

Bản án số: 62/2025/DS-ST

Ngày: 26/6/2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bàng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đặng Văn Khánh**

Bà **Phạm Hồ Quỳnh Uyên**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Đỗ Thục Uyên - Thư ký, Toà án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 14/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2025/QĐST-DS ngày 03/6/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 106/2025/QĐHPT-DS ngày 16/6/2025 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Đ. Địa chỉ: B N, phường T, quận H, TP .. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng gồm các ông (bà): Hoàng Thế Q hoặc Phan Thị Thanh H hoặc Phạm Minh H1 hoặc Nguyễn Văn L1 - Điều là Nhân viên Ngân hàng; cùng địa chỉ làm việc: Số B đường C tháng D, phường H, quận H, TP.Đà Nẵng (Theo Giấy ủy quyền số 10771/UQ-PVB ngày 10/6/2020, Giấy ủy quyền số 6681/UQ-PVB ngày 01/4/2024; Giấy ủy quyền số 21690/UQ-PVB ngày 27/9/2024); bà H có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Võ Quốc V, sinh năm: 1991; địa chỉ: A H, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/9/2024, bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ, bà Phan Thị Thanh H trình bày:

Ngày 27/7/2018, Ngân hàng TMCP Đ (sau đây gọi tắt là: Ngân hàng) với ông Võ Quốc V có ký Đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng tín dụng thẻ tín dụng Quốc tế P1 số 18072710416777/TTD-PVB (sau đây gọi tắt là: Hợp đồng), hạn mức: 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), thời hạn sử dụng thẻ: 36 tháng, mục đích: tiêu dùng cá nhân, lãi suất cho vay 25%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi

suất trong hạn, phí, vay tín chấp. Lãi và các loại phí được thỏa thuận tại Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế tại P1 (*sau đây gọi tắt là: Bản điều khoản*).

Trong thời gian sử dụng thẻ, ông Võ Quốc V không thực hiện thanh toán đúng như cam kết và đã bắt đầu vi phạm đối với ngân hàng kể từ kỳ thanh toán ngày 24/5/2023. Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, tạo điều kiện để ông V trả nợ nhưng ông V vẫn không hợp tác. Do đó, Ngân hàng đã khởi kiện ông Võ Quốc V và yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Võ Quốc V phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tính đến ngày 26/6/2025 là 124.575.979 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn chín trăm bảy mươi chín đồng); trong đó: Nợ gốc: 49.969.184 đồng, nợ lãi quá hạn: 38.606.328 đồng, nợ phí chậm trả: 36.000.467 đồng.

Buộc ông Võ Quốc V có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 27/6/2025 cho đến khi ông V trả hết nợ gốc, lãi được quy định tại Hợp đồng và Bản điều khoản.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với bị đơn ông Võ Quốc V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, ông V đều vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông V có mặt và trình bày: Ông thống nhất với nội dung người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày về việc ký kết hợp đồng để vay số tiền 50.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng thì ông đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, ông đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện miễn giảm lãi và cho ông được trả dần cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Việc Ngân hàng TMCP Đ ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với ông Võ Quốc V, cấp cho ông V sử dụng thẻ tín dụng như một hình thức cho vay là hoạt động cấp tín dụng theo quy định tại Điều 3 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng. Nguyên đơn ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn Võ Quốc V phải trả số tiền còn nợ phát sinh từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng kèm giấy phát hành thẻ mà hai bên đã ký kết ngày 27/7/2018, mục đích là vay tiêu dùng. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn là ông Võ Quốc V có nơi cư trú trên địa bàn phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Võ Quốc V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[2] Về nội dung:

Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện ông Võ Quốc V yêu cầu Tòa án buộc ông Võ Quốc V phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/6/2025 là 124.575.979 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn chín trăm bảy mươi chín đồng); trong đó: Nợ gốc: 49.969.184 đồng, nợ lãi quá hạn: 38.606.328 đồng, nợ phí chậm trả: 36.000.467 đồng. Buộc ông Võ Quốc V có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 27/6/2025 cho đến khi ông V trả hết nợ gốc, lãi được quy định tại hợp đồng và Bản điều khoản cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ thì thấy:

[2.1] Xét về số tiền nợ gốc: Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Tòa án buộc ông V phải trả số tiền gốc là 49.969.184 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 27/7/2018, giữa Ngân hàng với ông Võ Quốc V có ký Đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng tín dụng thẻ tín dụng Quốc tế P1 Mastercard số 18072710416777/TTD-PVB, hạn mức: 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), thời hạn sử dụng thẻ: 36 tháng, mục đích: tiêu dùng cá nhân, lãi suất cho vay 25%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn (tương đương 37,5%/năm) + phí, vay tín chấp. Lãi và các loại phí được thỏa thuận tại Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế P1 và Hợp đồng. Quá trình sử dụng thẻ ông V đã thực hiện 42 lần giao dịch, ngày giao dịch rút tiền cuối cùng là ngày 05/5/2023, với tổng số tiền giao dịch là 2.021.950.146 đồng, ông V đã trả được số tiền 1.971.980.146 đồng, còn nợ lại số tiền gốc 49.969.184 đồng. Từ ngày 06/5/2023, ông V không tiếp tục trả nợ gốc và dừng tất cả các giao dịch, Ngân hàng đã đốc thúc ông V trả tiền nhưng ông V không trả nên từ ngày 05/6/2023 thì khoản vay của ông V chuyển thành nợ quá hạn. Tính đến ngày 26/6/2025 ông V còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là: 49.969.184 đồng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện ông V đòi số tiền nợ gốc 49.969.184 đồng (bốn mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi chín nghìn, một trăm tám mươi bốn đồng) là có căn cứ và phù hợp với các điều khoản trong GĐơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng tín dụng thẻ tín dụng Quốc tế P1 Mastercard số 18072710416777/TTD-PVB ngày 27/7/2018 cũng như phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 nên HĐXX chấp nhận.

[2.2] Xét về số tiền lãi: Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Tòa án buộc ông V phải thanh toán số tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 26/6/2025 là 38.606.328 đồng (ba mươi một triệu, bảy trăm chín mươi lăm nghìn, không trăm bảy mươi ba đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo Hợp đồng và Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế P1, các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn là

25%/năm, lãi suất quá hạn là 150%/năm lãi suất trọng hạn (tương đương 37,5%/năm). Ngày 05/6/2023 ông V dừng tất cả các giao dịch, Ngân hàng đã đốc thúc ông V trả tiền nhưng ông V không trả nên từ ngày 05/6/2023 khoản vay của ông V chuyển thành nợ quá hạn, tính từ ngày nợ quá hạn đến ngày xét xử 26/6/2025 là: 02 năm và 22 ngày (tương đương 752 ngày). Ngân hàng yêu cầu ông V trả khoản tiền lãi quá hạn là $49.969.184 \text{ đồng} \times 37,5\%/\text{năm} \times 752 \text{ ngày}/365 \text{ ngày} = 38.606.328 \text{ đồng}$ là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.3] Xét yêu cầu tính tiền phí: Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Tòa án buộc ông V trả số tiền phí chậm trả là 36.000.467 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại mục số 11 của Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế tại P1, các loại phí ông V phải chịu gồm: Phí phát hành thẻ; Phí thay đổi hạng thẻ/loại thẻ; Phí phát hành loại thẻ; Phí dịch vụ phát hành nhanh; Phí thường niên; Phí rút tiền mặt; Phí tra soát, khiếu nại; Phí quản lý chi tiêu ngoại tệ; Phí vượt hạn mức: Khoản phí của thẻ phải trả khi dư nợ thẻ vượt quá hạn mức thẻ tín dụng được cấp; Phí thay đổi hạn mức thẻ tín dụng/hạn mức thẻ tín dụng tạm thời; Phí chậm thanh toán; Phí cấp bản sao sao kê theo yêu cầu; Phí cấp bản sao hóa đơn giao dịch; Phí xác nhận thông tin thẻ tín dụng; Phí xử lý giao dịch; Phí cấp lại PIN; Phí thông báo thất lạc thẻ; Các loại phí khác. Chi tiết các loại phí được quy định tại biểu phí do P1 ban hành và là một phần không thể tách rời của bản Điều khoản, điều kiện này. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày và tại Bảng theo dõi thẻ tín dụng khách hàng Ngân hàng cung cấp, thì Ngân hàng TMCP Đ chỉ yêu cầu ông V trả phí chậm trả, còn lại các loại phí khác Ngân hàng không yêu cầu. Theo quy định tại mục 11.11 của Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế tại P1 thì phí chậm thanh toán là *“khoản phí chủ thẻ phải trả khi chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán số tiền nhỏ hơn số tiền thanh toán tối thiểu sau ngày đến hạn thanh toán”*. Căn cứ quy định tại Điều 5 Thông tư 16/2019/TT-NHNN ngày 30/6/2019 của Ngân hàng N quy định về phí dịch vụ thẻ như sau *“...Biểu phí dịch vụ thẻ của tổ chức phát hành thẻ phải phù hợp với quy định của pháp luật...”*. Tại phụ lục 04A Biểu phí dịch vụ thẻ và dịch vụ thanh toán thẻ của P1 có hiệu lực từ ngày 06/01/2025 quy định thì phí chậm thanh toán là $5\% \times \text{số tiền chậm thanh toán}$, tối thiểu 80.000 đồng (mục 17). Như vậy, nếu theo thỏa thuận trên giữa Ngân hàng với ông V thì số tiền phí mà ông V phải chịu là: $5\% \times 49.969.184 \text{ đồng} = 2.498.459 \text{ đồng}$.

Tuy nhiên, thực chất khoản phí này là một hình thức tính lãi, trong đó khoản phí chậm thanh toán được tính bằng $5\%/\text{kỳ}$ thanh toán trên toàn bộ dư nợ, trong khi phần nợ gốc đã được sử dụng để làm căn cứ tính lãi quá hạn. Việc tính lãi như vậy không phù hợp với quy định tại Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài với khách hàng. Mặt khác, tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (ngày 05/6/2023), P1 đã khóa thẻ và yêu cầu khách hàng phải thanh toán toàn bộ dư nợ đến hạn. Theo quy định tại Điều 5 Thông tư 16/2019/TT-NHNN ngày 30/6/2019 thì Tổ chức tín dụng được thu *“Phí dịch vụ thẻ”*, nhưng từ sau thời điểm chuyển nợ quá hạn khách hàng đã bị khóa thẻ, Ngân hàng đã tiến

hành các thủ tục để thu hồi nợ. Do đó, tính chất của “*dịch vụ thẻ*” không còn nên không thể tiếp tục tính khoản phí chậm thanh toán, kể từ sau thời điểm chuyển nợ quá hạn (sau ngày 05/6/2023).

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ về việc buộc ông V phải thanh toán số tiền phí chậm trả là: 36.000.467 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bị đơn ông Võ Quốc V phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ là: 88.575.512 đồng (*T mười tám triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn, năm trăm mười hai đồng*); trong đó, nợ gốc: 49.969.184 đồng và lãi phát sinh là: 38.606.328 đồng (từ ngày 05/6/2023 đến ngày xét xử ngày 26/6/2025 với lãi suất 37,5%/năm).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/6/2025), khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc 49.969.184 đồng chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng tín dụng thẻ tín dụng Quốc tế P1 Mastercard số 18072710416777/TTD-PVB ngày 27/7/2018 và bản Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế tại P1 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Võ Quốc V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ được Hội đồng xét xử chấp nhận là: $88.575.512 \times 5\% = 4.428.775$ đồng.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu tiền lãi, phí không được Hội đồng xét xử chấp nhận là: $36.000.467 \times 5\% = 1.800.023$ đồng. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.007.276 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0009463 ngày 15/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 207.253 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 180, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Khoản 15 Điều 4, Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 100, Điều 103, Điều 210 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024. Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng

kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ đối với bị đơn ông Võ Quốc V về việc “*Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng*”.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện tính tiền phí với số tiền 36.000.467 đồng của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ đối với bị đơn ông Võ Quốc V

2. Tuyên xử:

2.1. Buộc ông Võ Quốc V phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 26/6/2025 là: 88.575.512 đồng (*tám mươi tám triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn, năm trăm mười hai đồng*); trong đó, nợ gốc: 49.969.184 đồng, lãi quá hạn là: 38.606.328 đồng.

2.2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày 27/6/2025 ông Võ Quốc V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng tín dụng thẻ tín dụng Quốc tế P1 Mastercard số số 18072710416777/TTD-PVB ngày 27/7/2018 và bản Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế tại P1 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Võ Quốc V phải chịu 4.428.775 đồng (Bốn triệu, bốn trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm bảy mươi lăm đồng).

Buộc Ngân hàng TMCP Đ phải chịu 1.800.023 đồng (Một triệu tám trăm nghìn không trăm hai mươi ba đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.007.276 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0009463 ngày 15/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 207.253 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, ngày 26/6/2025.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bàng